

TÒA ÁN NHÂN DÂN
Huyện Tân Hiệp
Tỉnh Kiên Giang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2024/HNGĐ- ST

Ngày 22/04/2024

V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Trúc Phương

2. Bà Nguyễn Thị Việt Tím

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 22 tháng 04 năm 2024. Tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2024/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 03 năm 2024 về vụ kiện: “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 04 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Phan Thị Diễm T**, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T P, xã T T, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

- **Bị đơn:** Anh **Võ Văn L**, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T P, xã T T, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Phan Thị Diễm T trình bày: Tôi và anh Võ Văn L chung sống với nhau vào ngày 23/10/2013, vợ chồng có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã T T, huyện T H, tỉnh Kiên Giang vào ngày 19/05/2014. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 01 năm mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến tháng 5 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cuộc sống chung của vợ chồng có

nhiều quan điểm bất đồng, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau dẫn đến xô xát với nhau, gia đình không hạnh phúc.

Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể hàn gắn. Tôi và anh L đã sống ly thân từ tháng 06 năm 2023 cho đến nay.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung gồm:

1/ Võ Văn D, sinh ngày 07/06/2014

2/ Võ Yến N, sinh ngày 09/01/2018

Hiện nay các cháu đang chung sống với tôi.

- Về tài sản chung: không có

- Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa chị T yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: tôi xin được ly hôn với anh Võ Văn L.

Về quan hệ con chung: tôi xin nhận nuôi dưỡng cháu Võ Văn D, sinh ngày 07/06/2014 và cháu Võ Yến N, sinh ngày 09/01/2018, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi 02 con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

* **Bị đơn anh Võ Văn L trình bày:** Tòa án đã tổng đạt các văn bản cho anh Võ Văn L theo quy định của pháp luật nhưng tại phiên tòa hôm nay anh L vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền:** Đây là vụ kiện Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện Ly hôn không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** anh Võ Văn L với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay anh L vắng mặt không lý do, trước đó Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra

xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn anh Võ Văn L, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt thì Tòa án tiến hành xử vắng mặt họ”. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Võ Văn L là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] **Về quan hệ hôn nhân:** Xét lời yêu cầu của chị Phan Thị Diễm T về quan hệ hôn nhân, chị xin được ly hôn với anh Võ Văn L là có cơ sở chấp nhận vì theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”. Xét thấy do tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh L hiện đang rất trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do cuộc sống chung của vợ chồng có nhiều quan điểm bất đồng, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau dẫn đến xô xát với nhau, gia đình không hạnh phúc. Từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị T và anh L đã sống ly thân từ tháng 06 năm 2023 cho đến nay. Vì vậy lời yêu cầu của chị T xin được ly hôn với anh L được Tòa án chấp thuận.

[4] **Về quan hệ con chung:** chị T xin được nhận nuôi dưỡng cháu Võ Văn D, sinh ngày 07/06/2014 và cháu Võ Yến N, sinh ngày 09/01/2018, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi 02 con. Xét thấy giao cháu Võ Văn D, sinh ngày 07/06/2014 và cháu Võ Yến N, sinh ngày 09/01/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu là có cơ sở chấp nhận vì theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Do cháu Võ Văn D hiện nay 09 tuổi; cháu Võ Yến N hiện nay 06 tuổi, các cháu hiện nay đang được chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng và nguyện vọng của cháu D là khi

cha mẹ cháu ly hôn thì cháu D sẽ sống với mẹ, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

[5] **Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:** Do chị T và anh L không có tài sản chung và nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] **Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** chị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003734 ngày 20/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Chị T đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Phan Thị Diễm T và anh Võ Văn L được ly hôn.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Võ Văn D, sinh ngày 07/06/2014 và cháu Võ Yên N, sinh ngày 09/01/2018 cho chị Phan Thị Diễm T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Võ Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

3. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Phan Thị Diễm T nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003734 ngày 20/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Chị T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Phan Thị Diễm T biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho anh Võ Văn L biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Hiệp.
- TAND tỉnh Kiên Giang .
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quang Nhật

